SỞ GD & ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

Số: 25/TB-THPTNK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Bảo, ngày 15 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2022- 2023

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	BÌNH QUÂN
I	**Số phòng học**		Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	30	1,5
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	1,6
7	Bình quân lớp/phòng học		1,0
8	Bình quân học sinh/lớp		43
III	**Số điểm trường**	1	
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)		19.157
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)		8.000
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	30	1656
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	5	305
3	Diện tích thư viện (m^2)	1	120
4	Diện tích nhà tập đa năng (phòng giáo dục thể chất) (m^2)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn, truyền thống (m^2)		168
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		
1.2	Khối lớp 11		
1.3	Khối lớp 12		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		300
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/Projeetor/vật thể	6	

5	Thiết bị khác		
	- Máy Phôtô copy	2	
	- Máy in	13	
	- Máy nước	1	
X	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**	**Số lượng**	**Bình quân**
1	Ti vi	32	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/Projeetor/vật thể	1	
5	Thiết bị khác		
	- Máy Phôtô copy	2	
	- Máy in	8	
	- Máy nước	4	

	Nội dung	Số lượng (m^2)
XI	**Nhà bếp**	1 (30 m^2)
XII	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XIII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0	0	0
XIV	**Khu nội trú**	0	0	0

XV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh	0		0		2	65m^2	2	65m^2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	2	20m^2	2	20m^2				

**Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

	Nội dung	Có	Không
XVI	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	có	
XVII	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	có	
XVIII	**Kết nối Internet**	có	
XIX	**Trang thông tin điện tử (Website) của trường**	có	
XX	**Tường rào xây**	có	

Nơi nhận:
- BGH, Các đoàn thể;
- Công khai bảng tin;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN KHUYẾN

Phạm Huy Hùng